

Bản án số: 139/2025/DS-PT

Ngày: 10/4/2025

*“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản, thừa kế
tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Vân Hương;

Bà Võ Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tú Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 331/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản, thừa kế tài sản, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 786/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1959; HKTT: **Thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; địa chỉ liên hệ: **Số F H, X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lữ L**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Cao Như Ý**, Công ty **L1, Đoàn Luật sư tỉnh K**; có mặt.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Thu T**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Số C đường T, P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Phạm Thị Thu T1**, sinh năm 2002; địa chỉ thường trú: **Tổ G, V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963; địa chỉ thường trú: **Tổ L, N, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

3. Bà **Phạm Thị Thu H1**, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: **Tổ L, N, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

4. Bà **Võ Thị Mỹ N**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Tổ F, thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

5. Anh **Trần Trọng N1**, sinh năm 2002; địa chỉ thường: **Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị **T1**, bà **M**, bà **H1**, bà **N**, anh **N1** cùng có địa chỉ liên hệ: **Số F H, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị **T1**, bà **M**, bà **H1**, bà **N**: Ông **Lữ L**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có mặt.

6. **Văn phòng C1**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông **Đặng Văn T2**, Công chứng viên - **Văn phòng C1**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **Số A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

8. **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K**, nay là **Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Duy Q**, chức vụ: Giám đốc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông **Đào Văn S**, sinh năm 1972; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Cháu **Đào Thị Ngọc Á**, sinh năm 1999; có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Cháu **Đào Xuân T3**, sinh năm 2001; có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Cháu **Đào Ngọc Bảo T4**, sinh năm 2003; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: **Số C đường T, P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà **Phạm Thị H** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị M**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Võ Thị Mỹ N**, chị **Phạm Thị Thu T1**, **Văn phòng C1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- Nguyên đơn bà **Phạm Thị H** và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà **Phạm Thị C** không có chồng (chết năm 2018), có 06 người con gồm: **Phạm Thị H**, **Phạm Văn T5** (chết 2013, có 01 người con là **Phạm Thị Thu T1**), **Phạm Thị Thu H1**, **Võ Thị Mỹ N**, **Phạm Thị Thu T**, **Võ Thị Thu T6** (chết năm 2009, có 01 người con là **Trần Trọng N1**); ngoài ra bà không có con nuôi, con riêng nào khác, cha mẹ của bà đã chết trước bà. Ông **Võ Văn A** (chết năm 2024) là cha của các ông bà: **Phạm Văn T5**, **Phạm Thị Thu H1**, **Phạm Thị Thu T**, **Võ Thị Thu T6** nhưng chỉ là mối quan hệ ngoài hôn nhân vì ông đang sống với vợ và gia đình riêng khác tại **thôn P, xã V, thành phố N** nên không liên quan đến khối tài sản do bà **Phạm Thị C** tạo lập.

Sinh thời, bà **Phạm Thị C** có tạo lập thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 1b, diện tích 475m² (200m² đất ở và 275m² đất vườn) tại **thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** (viết tắt là Thửa 1195) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ), số vào sổ 05697 QSDĐ/Số 981-NT, ngày 09/6/1992 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **thành phố N** cấp đứng tên bà **Phạm Thị C**; trên đất bà **Phạm Thị C** đã xây 02 ngôi nhà riêng biệt để sử dụng. Năm 2001, bà **Phạm Thị C** chuyển nhượng 106,1m² cho ông **Nguyễn Văn Q1**; khoảng đầu năm 2002 chuyển nhượng 83m² cho bà **Phạm Thị Thu T** gần với phần đất có nhà bà **Phạm Thị C** đang ở, đến ngày 08/8/2003 mới chính thức lập giấy chuyển nhượng. Ngày 22/4/2002, bà **Phạm Thị C** lập di chúc để lại cho bà **Phạm Thị H** một phần nhà, đất thuộc Thửa 1195, có tứ cận: Đông giáp đường liên xã (**Hương lộ D**), Tây giáp đất bà **Nguyễn Thị D**, Nam giáp đất bà **Phạm Thị Thu T**, Bắc giáp đất ông **Nguyễn Văn H2**. Thửa 1195 còn lại 80,6m² có nhà ở gần liền thì bà **Phạm Thị C** chưa định đoạt. Trong quá trình sống và trước khi chết bà **Phạm Thị C** có di nguyện (bằng lời nói) để lại cho bà **Phạm Thị H** phần đất có diện tích 80,6m² còn lại và yêu cầu bà **Phạm Thị H** sau khi nhận phần đất đó thì phải lo cho cháu **Phạm Thị Thu T1** (con của ông **T5**).

Sau khi bà **Phạm Thị C** chết, bà **Phạm Thị H** công khai di chúc và ngày 10/04/2021 đã khai nhận thừa kế đối với di sản theo di chúc lập ngày 22/4/2002 và theo di nguyện của bà **Phạm Thị C** tại Văn bản khai nhận hưởng di sản thừa kế theo di chúc, được **Văn phòng C1** chứng thực ngày 10/4/2021. Bà **Phạm Thị Hoa đăng K** và được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** cấp GCNQSDĐ số DC 038023, ngày 24/6/2021 đối với thửa đất số 27, tờ bản đồ số 23, diện tích 121,3m² (Theo di chúc, sau đây viết tắt là Thửa 27) và GCNQSDĐ số DC 038022, ngày 24/6/2021 đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 23, diện tích 80,6m² (Theo di nguyện, sau đây viết tắt là Thửa 32). Hiện nay, bà **Phạm Thị Thu T** đang chiếm giữ nhà đất tại Thửa 32 này.

Vì vậy, bà **Phạm Thị H** khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà **Phạm Thị Thu T** trả lại nhà và đất tại Thửa 32 và bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bà **Phạm Thị Thu T**. Trong trường hợp nếu Toà án chia di sản thừa kế thì bà xin được nhận bằng hiện vật

và thanh toán lại tiền tương đương với giá trị kỷ phần thừa kế cho các người thừa kế khác.

- Bị đơn bà **Phạm Thị Thu T** trình bày:

Thừa nhận về quan hệ huyết thống gia đình, nguồn gốc, diễn biến sử dụng đất có tranh chấp như nguyên đơn bà **Phạm Thị H** trình bày là đúng.

Năm 1998, bà **Phạm Thị C** chuyển nhượng cho vợ chồng bà một phần đất là thửa 1476 (được tách ra từ Thửa 1195), tờ bản đồ số 1b, diện tích 83m², vị trí nằm giữa 02 căn nhà cấp 4 của bà **Phạm Thị C** và đã được UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ số Y557860, vào sổ cấp số 01492 QSDĐ/VT-NT ngày 05/01/2004, đứng tên **Đào Văn S** và **Phạm Thị Thu T**. Năm 2000, bà **Phạm Thị C** giao 01 căn nhà cho ông **Phạm Văn T5** để ở và trông coi lo hương hỏa (vị trí nằm ở phía Nam lô đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà) có chiều ngang 5m, dài 17m, có tứ cận: Đông giáp **Hương lộ D**, Tây giáp nhà bà **Nguyễn Thị D**, Nam giáp nhà bà **Trần Thị Kim T7**, Bắc giáp nhà bà. Diện tích nhà đất còn lại khoảng 120m² thì bà **Phạm Thị C** để sinh sống và quản lý. Thời gian ông **Phạm Văn T5** bệnh, bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2013 ông **Phạm Văn T5** chết, bà **Phạm Thị C** đồng ý giao nhà đất của ông **Phạm Văn T5** cho bà trực tiếp quản lý để thờ cúng vì thời gian đó vợ và con của ông **Phạm Văn T5** đã chuyển đi nơi khác sống. Quá trình quản lý và sử dụng nhà đất, do nhà xuống cấp và ảnh hưởng của cơn bão số 12 năm 2017 nên bà phải nhiều lần sửa chữa lại nhà. Căn nhà mà bà **Phạm Thị C** cho ông **Phạm Văn T5** ở vẫn đứng tên của bà **Phạm Thị C**. Các chị em khác đều lấy chồng ở xa nên bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà **Phạm Thị C** cho đến khi chết.

Ngày 28/6/2021, ông **Nguyễn Văn T8** (chồng bà **H**) đuổi bà ra khỏi nhà và yêu cầu trả lại nhà, đất mà bà đang quản lý để thờ phụng những người đã chết; mục đích bà **Phạm Thị H** yêu cầu bà giao trả nhà, đất là để bán cho người khác. Khi gửi đơn đến UBND xã V yêu cầu giải quyết tranh chấp thì bà mới biết phần đất và nhà có diện tích khoảng 80m² (nay là Thửa 32) mà bà đang trông coi, thờ cúng đã được bà **Phạm Thị H** lập thủ tục khai nhận di sản thừa kế và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp GCNQSDĐ số DC038022, số vào sổ cấp GCN CS02669, ngày 24/6/2021; căn cứ bà **Phạm Thị H** đưa ra để được nhận thừa kế là tờ di chúc viết tay ngày 22/4/2002 của bà **Phạm Thị C** (được UBND xã V chứng thực). Tuy nhiên, theo nội dung tờ di chúc này thì bà **Phạm Thị C** chỉ để lại cho bà **Phạm Thị H** nhà và đất có diện tích khoảng 120m² nằm ở vị trí phía Bắc lô đất mà bà **Phạm Thị C** đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà vì trong tờ di chúc nêu rõ phân tứ cận của nhà đất để lại cho bà **Phạm Thị H** là: phía Đông giáp đường liên xã (**Hương lộ D**), phía Tây giáp đất bà **Nguyễn Thị D**, phía Nam giáp đất nhà bà **Phạm Thị Thu T**, phía Bắc giáp đất nhà **Nguyễn Văn H2**. Đối với nhà và đất còn lại thì bà **Phạm Thị C** không định đoạt và cũng không giao cho bà **Phạm Thị H**. Di nguyện của bà **Phạm Thị C** như bà **Phạm Thị H** trình bày là không có bởi vì thời gian cuối đời của bà **Phạm Thị C** thì bà là người trực tiếp chăm sóc, bà chưa bao giờ nghe bà **Phạm Thị C** nói đến di nguyện nào cho ai. Việc Văn phòng C1 chứng thực và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K căn cứ vào tờ khai nhận thừa kế theo di chúc để cấp GCNQSDĐ số DC038022, số

vào sổ cấp GCN CS02669, ngày 24/6/2021 cho bà **Phạm Thị H** là không đúng pháp luật. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị H** và có yêu cầu phản tố sau:

+ Huỷ GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 038022, sổ vào sổ cấp GCN CS02669, ngày 24/6/2021 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** cấp đứng tên bà **Phạm Thị H**.

+ Huỷ Văn bản khai nhận thừa kế theo di chúc lập ngày 24/3/2021, được chứng thực số 2012/2021, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2021 tại **Văn phòng C1**.

+ Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần nhà đất diện tích 80,6m² (nay là Thửa 32) tại **thôn P, xã V, thành phố N**. Bà xin được nhận bằng hiện vật và thanh toán lại tiền tương đương với giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Võ Thị Mỹ N**, anh **Trần Trọng N1** thống nhất trình bày:

Đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế thì xin nhận bằng hiện vật và tự nguyện nhượng lại toàn bộ kỷ phần thừa kế cho bà **Phạm Thị H**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đào Văn S**, cháu **Đào Thị Ngọc Á**, cháu **Đào Xuân T3**, cháu **Đào Ngọc Bảo T4** thống nhất trình bày:

Đồng ý với toàn bộ ý kiến trình bày của bị đơn bà **Phạm Thị Thu T**.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Đặng Văn T2** (Công chứng viên) và **Văn phòng C1** trình bày:

Căn cứ vào Di chúc lập ngày 22/4/2002 của bà **Phạm Thị C** (có xác nhận của Phó Chủ tịch **UBND xã V** - di chúc hợp pháp) và diện tích đất còn lại trên GCNQSDDD cấp cho hộ bà **Phạm Thị C** vào ngày 09/6/1992, ông **Đặng Văn T2** đã chứng nhận Văn bản khai nhận thừa kế theo di chúc lập ngày 24/3/2021, được chứng thực số 2012/2021, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2021 tại **Văn phòng C1**.

Trong thời gian niêm yết văn bản khai nhận di sản thừa kế trên tại **UBND xã V** thì **Văn phòng C1** không nhận được khiếu nại, tố cáo nào. Văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên do ông **Đặng Văn T2** là Công chứng viên của **Văn phòng C1** chứng nhận không trái pháp luật, hình thức văn bản và lời chứng phù hợp với Luật Công chứng. Do vậy, ông **Đặng Văn T2** và **Văn phòng C1** không sai khi thực hiện việc chứng nhận. Nếu văn bản khai nhận của bà **Phạm Thị H** có sai sót thì lỗi thuộc về bà **Phạm Thị H** và bà **Phạm Thị H** phải chịu trách nhiệm về những sai sót khi khai nhận di sản thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** trình bày:

Bà **Phạm Thị C** được UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ số 05697QSDĐ/số 981/NT ngày 09/6/1992 đối với Thửa 1195, diện tích 475m² (trong đó T: 200m², Q: 275m²). Năm 2001, bà **Phạm Thị C** chuyển nhượng 106,1m² (ONT 89,72m²; CLN 16,38m²) cho ông **Nguyễn Văn Q1**, đã được chỉnh lý biên động tại trang 4 GCNQSDĐ. Năm 2003, bà **Phạm Thị C** tiếp tục chuyển nhượng 83m² (T) cho ông **Đào Văn S** và bà **Phạm Thị Thu T** và đã được chỉnh lý biên động tại trang 4 GCNQSDĐ. Diện tích đất còn lại sau khi chuyển nhượng mà bà **Phạm Thị C** sử dụng là 285,9m² (ONT: 27,28m²; CLN: 258,62m²).

Bà **Phạm Thị C** chết thì bà **Phạm Thị H** nhận thừa kế phần còn lại Thửa 1195, diện tích 285,9m² (ONT: 27,28m²; CLN: 258,62m²) theo Văn bản khai nhận hưởng di sản thừa kế theo di chúc số 2012/2021, được **Văn phòng C1** chứng nhận ngày 10/4/2021. Thửa 1195 (phần còn lại) theo Trích lục bản đồ địa chính và Phiếu kiểm tra quy hoạch do **Văn phòng Đ** thẩm định gồm có 02 thửa: Thửa 27, có diện tích 121,3m² và Thửa 32, có diện tích 80,6m². Ngày 08/5/2021, bà **Phạm Thị H** nộp hồ sơ nhận thừa kế 02 thửa đất trên theo biên nhận số 014.12.142112734 và số 014.12.142112733.

Do diện tích đất giảm 84m² so với GCNQSDĐ đã cấp nên Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N** thực hiện lấy ý kiến UBND xã V về nguyên nhân giảm và tình trạng tranh chấp. Sau khi có phúc đáp của UBND xã V thì Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N** thực hiện các bước tiếp theo và tham mưu Giám đốc **Sở T** ký GCNQSDĐ cho bà **Phạm Thị H** có số phát hành DC 038023, số vào sổ cấp GCN CS 02670, ngày 24/6/2021 đối với Thửa 27, diện tích 121,3m² (ONT: 27,3m²; CLN: 94m²) và GCNQSDĐ số phát hành DC 038022, số vào sổ cấp GCN CS 02669 ngày 24/6/2021 đối với Thửa 32, diện tích 80,6m² (CLN); hiện nay 02 thửa đất này chưa phát sinh biến động.

Căn cứ khoản 1 Điều 179, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, Điều 17 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 thì việc Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố N** thực hiện thủ tục thừa kế và tham mưu cho **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** thực hiện cấp 02 GCNQSDĐ nêu trên là đúng theo quy trình 19.4, Điều 19 Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai liên quan đến hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và đúng quy định pháp luật. Do đó, **Sở T** không đồng ý hủy GCNQSDĐ số CS 02669 ngày 24/6/2021 theo yêu cầu của bị đơn bà **Phạm Thị Thu T**.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ các Điều 75, 76, 108, 109, 633, 635, 674, 675, 676, 677, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 122, 126, 132 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 52, 57,

58 Luật Công chứng năm 2014; các Điều 26, 34, 37, 39, 157, 165, 180, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **Phạm Thị H** kiện bị đơn, bà **Phạm Thị Thu T** về việc “Đòi lại tài sản” là nhà đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 23 với diện tích 80,6m² (CLN), tại **thôn P, xã V, thành phố N** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DC 038022, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 02669 ngày 24/6/2021 đứng tên bà **Phạm Thị H**.

2. Tuyên bố Văn bản khai nhận hưởng di sản thừa kế theo di chúc ngày 24/3/2021 được chứng thực số: 2012/2021, quyền số: 05/TP/CC-SCC/HĐGD do **Văn phòng C1** xác lập ngày 10/4/2021 vô hiệu. Đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả văn bản công chứng vô hiệu nên không xem xét.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DC 038022, sổ vào sổ cấp GCN CS02669 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** cấp ngày 24/6/2021 đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ 23 với diện tích 80,6m² (CLN), tại **thôn P, xã V, thành phố N** đứng tên bà **Phạm Thị H**.

4. Chia di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 23 với diện tích 83,9m² (CLN), tại **thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

4.1. Giá trị kỷ phần thừa kế của mỗi người được nhận.

4.1.1. Bà **Phạm Thị H** được nhận số tiền: 192.235.000 (một trăm chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

4.1.2. Bà **Phạm Thị Thu T** được nhận số tiền: 54.644.000 (năm mươi tư triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

4.2. Về chia hiện vật và thanh toán giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế

4.2.1. Giao cho bà **Phạm Thị Thu T** được nhận phần hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 23, tại **thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** (sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

4.2.2. Bà **Phạm Thị Thu T** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Phạm Thị H** số tiền: 192.235.000đ (một trăm chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/9/2024 nguyên đơn bà **Phạm Thị H** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị**

Thu T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 23/10/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị chỉ tuyên vô hiệu một phần Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 10/4/2021 có liên quan đến thửa đất số 32 và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Lữ L, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H và của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mỹ N, bà Phạm Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị M, chị Phạm Thị Thu T1 giữ nguyên đơn kháng cáo và đề nghị cho Luật sư Cao Như Ý trình bày nội dung, căn cứ kháng cáo.

- Luật sư Cao Như Ý, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tại cấp phúc thẩm bà Phạm Thị H, bà Võ Thị Mỹ N, bà Phạm Thị Thu H1 đã có ý kiến cho người được uỷ quyền trình bày thay đổi nội dung kháng cáo, từ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nay chỉ còn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần phân chia di sản thừa kế và việc giao sử dụng di sản thừa kế của bà Phạm Thị C bằng hiện vật. Bà Phạm Thị H, bà Võ Thị Mỹ N, bà Phạm Thị Thu H1 kháng cáo và anh Trần Trọng N1 có văn bản trình bày ý kiến: Cùng thống nhất giao các kỹ phần thừa kế của họ được hưởng cho chị Phạm Thị Thu T1 nhận sử dụng và đề nghị cấp phúc thẩm giao cho chị Phạm Thị Thu T1 được nhận bằng hiện vật vì bà Phạm Thị Thu T chỉ được 01 kỹ phần thừa kế là ít hơn so với các kỹ phần thừa kế khác và bà Phạm Thị Thu T đã có đất và nhà ở ổn định. Phần di sản thừa kế này nguyên trước đây bà Phạm Thị C đã cho gia đình ông Phạm Văn T5 (bố của chị Phạm Thị Thu T1) sử dụng để ở và trông coi hương hỏa, hiện nay vợ và con của ông Phạm Văn T5 không có nhà và đất để ở, mặt khác chị Phạm Thị Thu T1 đang có con nhỏ, phải đi thuê nhà ở. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận và giao các kỹ phần thừa kế được hưởng của bà Phạm Thị H, bà Võ Thị Mỹ N, bà Phạm Thị Thu H1, Trần Trọng N1 cho chị Phạm Thị Thu T1 nhận sử dụng và giao cho chị Phạm Thị Thu T1 được nhận sử dụng toàn bộ di sản thừa kế bằng hiện vật, các cô gì sẽ giúp đỡ vật chất để chị Phạm Thị Thu T1 thanh toán các chi phí liên quan đến việc chia thừa kế. Đối với chi phí tố tụng bà Phạm Thị H tự nguyện chịu và đã nộp tại cấp sơ thẩm nên không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 vắng mặt nhưng có đơn trình bày quan điểm kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Phạm Thị H, bà Võ Thị Mỹ N, bà Phạm Thị Thu H1, bà Nguyễn Thị M, chị Phạm Thị Thu T1, Văn phòng C1 là trong thời hạn luật định; trong đó có người được miễn nộp án phí, những người không được miễn án phí đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ,

đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1** thay đổi nội dung kháng cáo là đúng pháp luật. Những người kháng cáo và anh **Trần Trọng N1** có văn bản trình bày quan điểm, đều có nguyện vọng giao các kỹ phần thừa kế của mình được hưởng cho chị **Phạm Thị Thu T1** nhận sử dụng bằng hiện vật là sự tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội; đối với kháng cáo của **Văn phòng C1** là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của **Văn phòng C1**; chấp nhận kháng cáo của bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1** về phần chia, giao kỹ phần thừa kế bằng hiện vật và sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà **Phạm Thị H** và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1**, **Văn phòng C1** là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, những người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, bà **Phạm Thị H** và bà **Nguyễn Thị M** là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1** thay đổi nội dung kháng cáo là đúng theo quy định tại Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền; bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng trong đó có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên tòa. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tài sản là nhà và đất; bị đơn có yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế tài sản là nhà và đất, huỷ văn bản khai nhận hưởng thừa kế theo di chúc và huỷ GCNQSDĐ do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K** ban hành. Do đó, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải

quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà là đúng theo quy định tại các khoản 2, 5, 11 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo của **Văn phòng C1**:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định: Khi còn sống, bà **Phạm Thị C** tạo lập được khối tài sản là 475m² (trong đó T: 200m², Q: 275m²) tại Thửa 1195, được **UBND thành phố N** cấp GCNQSDĐ số 05697QSDĐ/số 981/NT ngày 09/6/1992, trên đất có 02 căn nhà ngói, vạch gạch; năm 2001 chuyển nhượng 106,1m² cho ông **Nguyễn Văn Q1**, năm 2003 tiếp tục chuyển nhượng 83m² cho ông **Đào Văn S** và bà **Phạm Thị Thu T**; diện tích còn lại là 285,9m². Ngày 22/4/2002, bà **Phạm Thị C** lập di chúc để lại cho bà **Phạm Thị H** một phần nhà, đất tại Thửa 1195 có tứ cận: Đông giáp đường liên xã (**Hương lộ D**), Tây giáp đất bà **Nguyễn Thị D**, Nam giáp đất bà **Phạm Thị Thu T9**, Bắc giáp đất ông **Nguyễn Văn H2**. Căn cứ nội dung, vị trí mô tả tứ cận phần diện tích đất theo di chúc và sơ đồ vị trí lô đất theo GCNQSDĐ số phát hành DC 038023, số vào sổ cấp GCN CS 02670 ngày 24/6/2021 và sự thừa nhận của tất cả các đương sự thì phần diện tích đất mà bà **Phạm Thị C** lập di chúc cho bà **Phạm Thị H** được hưởng là Thửa 27, diện tích 121,3m²; phần diện tích đất còn lại 80,6m² của Thửa 1195 có nhà ở gắn liền thì bà **Phạm Thị C** chưa định đoạt cho ai. Bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1**, anh **Trần Trọng N1** trình bày cho rằng khoảng năm 2002 - 2003 bà **Phạm Thị C** đã di nguyện định đoạt phần đất còn lại của **T10** 1195, nay là Thửa 32 cho bà **Phạm Thị H** nhưng không ai cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, việc bà **Phạm Thị H** tự khai nhận thừa kế và lập Văn bản khai nhận hưởng di sản thừa kế theo di chúc đối với toàn bộ diện tích 285,9m² tại **T** là không đúng. **Văn phòng C1** chỉ căn cứ vào nội dung bà **Phạm Thị H** tự kê khai, lập Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc mà không xác minh làm rõ tính chính xác phần diện tích đất bà **Phạm Thị H** tự kê khai, dẫn đến việc ngày 10/4/2021 chứng nhận bà **Phạm Thị H** được hưởng toàn bộ diện tích 285,9m² của Thửa 1195, trong đó có cả phần diện tích đất mà bà **Phạm Thị C** chưa có di chúc định đoạt cho ai là không đúng. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên hủy toàn bộ Văn bản khai nhận thừa kế theo di chúc ngày 24/3/2021, do **Văn phòng C1** chứng thực số 2012/2021, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/4/2021 là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1**:

- Về xác định kỹ phần thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế:

Theo Biên bản định giá ngày 25/4/2024 do Toà án cấp sơ thẩm thực hiện: Về đất: 83,9m² x 1.591.200 đồng/m² = 133.502.000 đồng; về nhà ở và các công trình xây dựng trên đất: 3.058.3584 đồng/m² x 114% x 40% x 81,3m² = 113.382.000 đồng;

tổng giá trị di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** là: 246.884.0000 đồng. Kết quả định giá tài sản, các đương sự trong vụ án không có ai có khiếu nại, tố cáo.

Khi chia di sản thừa kế, bản án sơ thẩm trích công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho bà **Phạm Thị Thu T** bằng 01 kỷ phần thừa kế là đúng nhưng việc tính toán chia kỷ phần cụ thể là chưa chính xác. Di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** có tổng giá trị là 246.884.000 đồng, được chia cho 06 kỷ phần thừa kế gồm bà **Phạm Thị H**, bà **Phạm Thị Thu T**, chị **Phạm Thị Thu T1**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Võ Thị Mỹ N**, anh **Trần Trọng N1** và 01 kỷ phần công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho bà **Phạm Thị Thu T**, 01 kỷ phần thừa kế được hưởng là: $246.884.000 \text{ đồng} : 07 = 35.269.142 \text{ đồng}$; bà **Phạm Thị Thu T** được nhận 02 kỷ phần là: $35.269.142 \text{ đồng} \times 02 = 70.538.285 \text{ đồng}$.

- Về chia và giao sử dụng di sản thừa kế bằng hiện vật trên thực tế:

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà **Phạm Thị H**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1** thay đổi nội dung kháng cáo và anh **Trần Trọng N1** có đơn trình bày quan điểm, đều có nguyện vọng giao các kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho chị **Phạm Thị Thu T1** (người thừa kế của ông **Phạm Văn T5**) nhận sử dụng bằng hiện vật.

Xét thấy ý kiến về việc cho tặng các kỷ phần thừa kế của những người trên cho chị **Phạm Thị Thu T1** nhận sử dụng là sự tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, ghi nhận sự thoả thuận, giao cho chị **Phạm Thị Thu T1** được nhận 04 kỷ phần thừa kế của bà **Phạm Thị H**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Võ Thị Mỹ N**, anh **Trần Trọng N1** và 01 kỷ phần thừa kế chị **Phạm Thị Thu T1** được hưởng là: $35.269.142 \text{ đồng} \times 05 \text{ kỷ phần} = 176.345.715 \text{ đồng}$.

Đối với ý kiến giao cho chị **Phạm Thị Thu T1** được nhận các kỷ phần thừa kế bằng hiện vật: Theo lời trình bày của các bên đương sự có tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà phúc thẩm thì vào năm 2000 phần diện tích đất và ngôi nhà là di sản thừa kế này đã được bà **Phạm Thị C** cho ông **Phạm Văn T5** sử dụng để ở và trông coi lo hương hoả. Sau khi ông **Phạm Văn T5** chết (năm 2013) thì vợ là bà **Nguyễn Thị M** và con là chị **Phạm Thị Thu T1** đã chuyển đến gia đình bên ngoại để sống để làm ăn nên không sử dụng, hiện nay chị **Phạm Thị Thu T1** không có nhà đất để ở, phải đi thuê trọ, bị đơn bà **Phạm Thị Thu T** hiện tại đã có nhà đất ở ổn định. Do đó, xem xét giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ **Phạm Thị C** là nhà và đất ở tại Thửa 32 cho chị **Phạm Thị Thu T1** được nhận sử dụng là phù hợp với đạo đức xã hội và pháp luật, cũng như phù hợp với ý chí của bà **Phạm Thị C** khi còn sống đã cho ông **Phạm Văn T5** (bố chị **Phạm Thị Thu T1**) sử dụng, đồng thời buộc chị **Phạm Thị Thu T1** phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà **Phạm Thị Thu T** là đảm bảo quyền lợi theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Do sửa bản án sơ thẩm về việc chia kỷ phần thừa kế và giao nhận sử dụng di sản thừa kế bằng hiện vật của bà **Phạm Thị C** và việc bản án sơ thẩm buộc bà **Phạm Thị**

Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế là không đúng nên cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp. Chị **Phạm Thị Thu T1** là người được giao nhận 05 kỷ phần thừa kế nên phải chịu $176.345.715 \text{ đồng} \times 5\% = 8.817.286 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm; bà **Phạm Thị Thu T** được giao nhận 01 kỷ phần thừa kế nên phải chịu $35.269.142 \text{ đồng} \times 5\% = 1.763.457 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của bà **Phạm Thị H** trình bày xin chịu trách nhiệm thanh toán tiền chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá như bản án sơ thẩm đã xét xử, không kháng cáo và đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận và giữ nguyên.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của **Văn phòng C1**; chấp nhận kháng cáo của bà **Phạm Thị H**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1** về phần xác định kỷ phần thừa kế, phần giao nhận sử dụng di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** bằng hiện vật trên thực tế và sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên **Văn phòng C1** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Kháng cáo được chấp nhận nên bà **Phạm Thị H**, bà **Nguyễn Thị M**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, chị **Phạm Thị Thu T1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Văn phòng C1**; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà **Phạm Thị H** và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1**. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2024/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà về phần xác định kỷ phần thừa kế và giao sử dụng di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** bằng hiện vật trên thực tế; cụ thể như sau:

1. Xác định di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 23, diện tích đo thực tế 83.9m² (CLN), tại **thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; tổng giá trị di sản thừa kế là: 246.884.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

2. Chia và giao di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** cho các thừa kế được nhận, gồm: Bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Phạm Thị Thu T**, chị **Phạm Thị Thu T1**, anh **Trần Trọng N1**.

3. Giá trị kỷ phần thừa kế của bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, chị **Phạm Thị Thu T1**, anh **Trần Trọng N1** mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là: 35.269.142 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bốn mươi hai đồng); bà **Phạm Thị Thu T** được nhận 02 kỷ phần là: 70.538.285 đồng (bảy mươi triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, anh **Trần Trọng N1**; giao cho chị **Phạm Thị Thu T1** được nhận hưởng giá trị 05 kỷ phần thừa kế, tổng cộng là: 176.345.715 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm mười lăm đồng).

5. Về chia và giao di sản thừa kế bằng hiện vật trên thực tế và thanh toán giá trị thừa kế cho các thừa kế.

5.1. Chia và giao cho chị **Phạm Thị Thu T1** được nhận sử dụng bằng hiện vật di sản thừa kế của bà **Phạm Thị C** là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 23, diện tích đo thực tế 83.9m² (CLN), tại **thôn P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

5.2. Chị **Phạm Thị Thu T1** có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Phạm Thị Thu T** số tiền giá trị thừa kế và công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế là: 70.538.285 đồng (bảy mươi triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng).

5.3. Bà **Phạm Thị Thu T** được nhận số tiền 70.538.285 đồng (bảy mươi triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng), do chị **Phạm Thị Thu T1** thanh toán.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Chị **Phạm Thị Thu T1** phải chịu 8.817.286 đồng (tám triệu tám trăm mười bảy nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng).

6.2. Bà **Phạm Thị Thu T** phải chịu 1.763.457 đồng (một triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà **Phạm Thị H**, bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, bà **Nguyễn Thị M**, chị **Phạm Thị Thu T1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà **Võ Thị Mỹ N**, bà **Phạm Thị Thu H1**, chị **Phạm Thị Thu T1** số tiền đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000591, số 0000592 và số 0000593, cùng ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- **Văn phòng C1** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự

phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000619 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự hợp nhất năm 2024 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự hợp nhất năm 2024; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự hợp nhất năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng